

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI	7 - 28



Số: 149 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập tại ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 2 đến trang 28. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính riêng đã được quy đổi sang Đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để quy đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang Đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp quy đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra Đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để quy đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra Đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra báo cáo tài chính riêng quy đổi của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6.802.541.603.004	5.124.824.124.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.749.954.898.458	1.798.571.415.732
1. Tiền	111		774.954.898.458	495.971.415.732
2. Các khoản tương đương tiền	112		975.000.000.000	1.302.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	149.877.399.972	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		149.877.399.972	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.407.693.396.582	2.948.632.549.116
1. Phải thu khách hàng	131		3.369.827.125.176	2.266.527.501.300
2. Trả trước cho người bán	132		84.533.053.650	54.482.735.136
3. Các khoản phải thu khác	135	6	953.536.499.484	627.823.585.128
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(203.281.728)	(201.272.448)
IV. Hàng tồn kho	140	7	386.307.158.418	329.219.100.756
1. Hàng tồn kho	141		386.307.158.418	329.219.100.756
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.708.749.574	48.401.059.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		59.883.401.958	24.804.094.536
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.455.812.396	17.209.888.176
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.369.535.220	6.387.076.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		11.482.771.017.780	11.417.307.974.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		713.002.778.694	848.696.178.876
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	713.002.778.694	848.696.178.876
II. Tài sản cố định	220		8.274.831.677.622	8.498.532.661.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.123.368.879.884	8.347.692.424.860
- Nguyên giá	222		11.629.860.156.450	11.489.866.481.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.506.491.276.566)	(3.142.174.056.756)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	151.143.491.604	150.513.884.232
- Nguyên giá	228		219.978.725.694	211.753.529.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.835.234.090)	(61.239.645.588)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		319.306.134	326.352.504
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.477.759.510.400	2.020.936.135.032
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	1.349.949.721.476	1.336.606.530.216
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	1.117.835.131.860	668.550.480.180
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	9.974.657.064	33.429.317.328
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	-	(17.650.192.692)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.177.051.064	49.142.998.968
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.863.408.404	36.424.843.728
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.339.347.840	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		12.974.294.820	12.718.155.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		18.285.312.620.784	16.542.132.099.324

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.591.114.130.376	7.072.856.257.476
I. Nợ ngắn hạn	310		4.631.693.225.220	3.858.248.226.696
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	1.193.455.339.788	1.410.405.509.244
2. Phải trả người bán	312		1.523.516.007.774	637.125.451.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	304.696.513.314	262.952.334.996
4. Phải trả người lao động	315		75.320.745.558	65.951.373.012
5. Chi phí phải trả	316	16	1.285.465.923.138	1.196.487.816.780
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		29.621.215.692	95.163.624.456
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	17	76.217.156.790	75.463.810.140
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		143.400.323.166	114.698.306.172
II. Nợ dài hạn	330		2.959.420.905.156	3.214.608.030.780
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	2.385.584.015.598	2.838.460.622.172
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		352.917.306	1.048.308.024
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	19	573.483.972.252	375.099.100.584
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.694.198.490.408	9.469.275.841.848
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	10.694.198.490.408	9.469.275.841.848
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.755.286.950.000	2.755.286.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.446.049.927.854	2.446.049.927.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.963.553.191)	(11.963.553.191)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		936.075.887.773	829.379.758.528
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		648.072.498.437	537.326.744.072
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		288.910.503.924	285.673.645.424
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.631.766.275.611	2.627.522.369.161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		18.285.312.620.784	16.542.132.099.324

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/6/2014	31/12/2013
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")	7.145	7.145
Đô la Singapore ("SGD")	26.343	19.751
Dinars Algeria ("DZD")	48.420.481	64.744.136



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		6.495.590.118.150	4.613.990.383.526
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	21	6.495.590.118.150	4.613.990.383.526
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	5.202.603.151.200	3.625.850.109.300
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.292.986.966.950	988.140.274.226
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	555.063.345.250	156.467.161.215
6. Chi phí tài chính	22	25	85.734.208.200	91.878.208.488
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.954.451.200	67.044.094.387
7. Chi phí bán hàng	24		7.536.699.900	3.802.365.754
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		348.181.335.050	275.504.098.418
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.406.598.069.050	773.422.762.781
10. Thu nhập khác	31		17.928.706.000	4.599.109.842
11. Chi phí khác	32		2.593.570.500	36.204.278
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		15.335.135.500	4.562.905.564
13. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.421.933.204.550	777.985.668.345
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	204.911.309.200	80.219.076.957
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(1.326.992.000)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.218.348.887.350	697.766.591.388



[Signature]
Phạm Tiên Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

[Signature]
Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

[Signature]
Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

[Signature]
Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.421.933.204.550	777.985.668.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	334.860.242.500	331.295.661.563
Các khoản dự phòng	03	(17.661.939.350)	-
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.830.789.450	(4.715.430.146)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(534.008.566.900)	(148.647.724.590)
Chi phí lãi vay	06	34.954.451.200	67.044.094.387
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	1.247.908.181.450	1.022.962.269.559
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.179.456.991.550)	548.787.883.039
Thay đổi hàng tồn kho	10	(53.305.167.600)	(8.316.610.102)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.071.757.487.250	33.986.922.205
Thay đổi chi phí trả trước	12	(898.266.650)	(16.863.736.050)
Tiền lãi vay đã trả	13	(39.064.505.800)	(64.300.172.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(126.288.921.739)	(81.722.184.595)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(75.377.734.500)	(38.334.539.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	845.274.080.861	1.396.199.832.098
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22.191.941.450)	(33.468.105.319)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	7.620.100	-
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(148.494.741.100)	-
4. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(407.991.100.000)	(30.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.311.779.350	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	370.093.143.100	111.152.570.351
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(202.265.240.000)	47.684.465.032
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	-	813.960.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	312.465.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(705.672.095.750)	(1.096.081.600.110)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(197.852.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(705.672.095.750)	30.145.547.052
Lưu chuyển tiền trong kỳ (50=20+30+40)	50	(62.663.254.889)	1.474.029.844.182
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1.798.571.415.732	271.101.871.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(4.479.503.150)	71.637.809
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	62	18.526.240.765	9.610.405.173
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70	<u>1.749.954.898.458</u>	<u>1.754.813.758.980</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác không bao gồm số tiền 30.515.952.000 đồng tương ứng với giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam tăng trong kỳ bằng hình thức cân trừ công nợ nội bộ với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD, một công ty con của Tổng Công ty.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 419.129.812.750 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 188.596.890.660 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức trong kỳ còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia trong kỳ đã bao gồm 350.702.978.898 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 196.082.623.328 đồng) là số tiền cổ tức của kỳ trước đã thu trong kỳ này.

Ngoài ra, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 110.805.410.750 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 46.398.355.107 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cân trừ công nợ nội bộ.

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 16.051.824.850 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 853.112.774 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ đã bao gồm số tiền 10.824.755.775 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 11.665.360 đồng) là tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ trước đã được thanh toán trong kỳ này.



[Signature]
Phạm Thiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

[Signature]
Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

[Signature]
Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

[Signature]
Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy phép chứng nhận kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng Đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính riêng bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

0-002
HÀNH
TY
HỮU
TTE
NAM
HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11/06/2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng kỳ căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động tiếp tục của các giàn khoan.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

500-
NHÁ
NG
HIỆM
017
T N.
P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Để hợp nhất báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi chi nhánh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

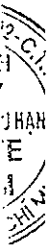
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	3.517.700.220	2.952.591.924
Tiền gửi ngân hàng	771.437.198.238	493.018.823.808
Các khoản tương đương tiền	975.000.000.000	1.302.600.000.000
	<u><u>1.749.954.898.458</u></u>	<u><u>1.798.571.415.732</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con - lợi nhuận	291.965.612.670	259.022.137.044
Phải thu nội bộ từ các công ty con - khác	518.112.264.624	267.714.022.920
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật		
Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	1.616.969.322	1.597.200.372
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty Liên doanh PV Drilling		
Overseas	2.335.785.240	839.020.860
Phải thu lãi tiền gửi	8.293.418.592	12.559.585.872
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	122.773.367.868	80.813.222.868
Các khoản phải thu khác	8.439.081.168	5.278.395.192
	<u><u>953.536.499.484</u></u>	<u><u>627.823.585.128</u></u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	622.665.600
Nguyên liệu, vật liệu	384.878.067.474	327.363.809.700
Công cụ, dụng cụ	1.429.090.944	1.232.625.456
	<u><u>386.307.158.418</u></u>	<u><u>329.219.100.756</u></u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng TMCP Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ
 Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	250.687.905.240	11.154.131.816.436	45.447.499.668	38.567.591.724	1.031.668.548	11.489.866.481.616
Tăng trong kỳ	63.276.300	18.215.196.500	1.598.494.900	1.431.231.600	-	21.308.199.300
Thanh lý	-	-	(1.373.638.800)	-	-	(1.373.638.800)
Chênh lệch tỷ giá	2.778.951.156	116.411.566.708	458.340.422	399.957.018	10.299.030	120.059.114.334
Tại ngày 30/6/2014	253.530.132.696	11.288.758.579.644	46.130.696.190	40.398.780.342	1.041.967.578	11.629.860.156.450

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014	48.338.519.220	3.027.710.617.524	35.897.218.776	29.615.616.744	612.084.492	3.142.174.056.756
Khấu hao trong kỳ	4.072.817.150	319.668.941.650	1.450.829.150	2.622.051.150	129.036.500	327.943.675.600
Thanh lý	-	-	(1.373.638.800)	-	-	(1.373.638.800)
Chênh lệch tỷ giá	783.803.542	36.273.188.042	361.222.438	321.657.138	7.311.850	37.747.183.010
Tại ngày 30/6/2014	53.195.139.912	3.383.652.747.216	36.335.631.564	32.559.325.032	748.432.842	3.506.491.276.566

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2014	200.334.992.784	7.905.105.832.428	9.795.064.626	7.839.455.310	293.534.736	8.123.368.879.884
Tại ngày 31/12/2013	202.349.386.020	8.126.421.198.912	9.550.280.892	8.951.974.980	419.584.056	8.347.692.424.860

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinars Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo từ đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II và PV Drilling III với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 6.519.293.741.262 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.665.268.001.512 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị là 85.660.833.822 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 82.022.077.644 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	128.780.667.048	49.301.421.084	33.671.441.688	211.753.529.820
Tăng trong kỳ	-	6.051.348.750	-	6.051.348.750
Chênh lệch tỷ giá	1.285.602.780	552.106.164	336.138.180	2.173.847.124
Tại ngày 30/6/2014	<u>130.066.269.828</u>	<u>55.904.875.998</u>	<u>34.007.579.868</u>	<u>219.978.725.694</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	12.536.172.804	27.047.352.540	21.656.120.244	61.239.645.588
Khấu hao trong kỳ	1.093.821.150	2.878.250.700	2.944.495.050	6.916.566.900
Chênh lệch tỷ giá	135.331.938	300.082.398	243.607.266	679.021.602
Tại ngày 30/6/2014	<u>13.765.325.892</u>	<u>30.225.685.638</u>	<u>24.844.222.560</u>	<u>68.835.234.090</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	<u>116.300.943.936</u>	<u>25.679.190.360</u>	<u>9.163.357.308</u>	<u>151.143.491.604</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>116.244.494.244</u>	<u>22.254.068.544</u>	<u>12.015.321.444</u>	<u>150.513.884.232</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bảo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký VND	Giá trị khoản đầu tư				Tỷ lệ sở hữu %
		30/6/2014 VND	USD	31/12/2013 VND	USD	
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	4.393.822	80.000.000.000	4.393.822	100
PVD Well	80.000.000.000	80.000.000.000	4.081.469	80.000.000.000	4.081.469	100
PVD Logging	80.000.000.000	80.000.000.000	4.236.959	80.000.000.000	4.236.959	100
PVD Tech	200.000.000.000	194.000.000.000	10.038.600	194.000.000.000	10.038.600	97
PVD Training	28.958.670.000	19.755.753.400	1.096.066	19.755.753.400	1.096.066	52
PVD Deepwater	764.000.000.000	764.000.000.000	39.692.090	764.000.000.000	39.692.090	100
Chênh lệch tỷ giá	-	132.193.968.076	-	118.850.776.816	-	
		1.349.949.721.476	63.539.006	1.336.606.530.216	63.539.006	

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Tổng Công ty góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là “BJ - PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là “PVD - Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD - Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore. Tổng vốn điều lệ đăng ký tối đa là 70 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại Công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan.

Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong Liên doanh PVD Overseas từ 55% lên 80% trong năm nay. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas.

002-
INH
TY
HUU H.
TE
AM
SCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
BJ - PVD	49.971.683.140	49.971.683.140
PVD - Baker Hughes	214.039.000.000	214.039.000.000
PVD Overseas	817.679.942.000	405.889.970.000
PVD Tubulars	30.515.952.000	-
Chênh lệch tỷ giá	5.628.554.720	(1.350.172.960)
	<u>1.117.835.131.860</u>	<u>668.550.480.180</u>

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	(25.342.936)	3.429.317.328
	<u>9.974.657.064</u>	<u>33.429.317.328</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(17.650.192.692)
	<u>9.974.657.064</u>	<u>15.779.124.636</u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là "Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech, một công ty con của Tổng Công ty.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại của chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	90.791.806.560	151.958.552.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.013.874.712	36.102.530.136
Thuế thu nhập cá nhân	31.598.687.142	43.986.970.188
Các loại thuế khác	65.292.144.900	30.904.282.104
	<u>304.696.513.314</u>	<u>262.952.334.996</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch	30/6/2014
	VND	VND	VND	tỷ giá	VND
Thuế giá trị gia tăng	151.958.552.568	326.625.945.600	387.839.268.806	46.577.198	90.791.806.560
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.835.133.334	1.835.133.334	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.102.530.136	204.911.309.200	126.288.921.739	2.288.957.115	117.013.874.712
Thuế thu nhập cá nhân	43.986.970.188	241.894.685.700	255.459.508.900	1.176.540.154	31.598.687.142
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các loại thuế khác	30.904.282.104	320.020.981.850	287.263.948.178	1.630.829.124	65.292.144.900
	<u>262.952.334.996</u>	<u>1.095.293.055.684</u>	<u>1.058.691.780.957</u>	<u>5.142.903.591</u>	<u>304.696.513.314</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	845.773.600.584	928.834.780.800
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	232.722.543.906	156.450.769.332
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	142.314.355.122	48.080.551.176
Trích trước chi phí lãi vay	29.879.630.790	34.705.255.908
Các khoản khác	34.775.792.736	28.416.459.564
	<u>1.285.465.923.138</u>	<u>1.196.487.816.780</u>

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm trong tương lai cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay dài hạn	3.579.039.355.386	4.248.866.131.416
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.193.455.339.788)	(1.410.405.509.244)
	<u>2.385.584.015.598</u>	<u>2.838.460.622.172</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Vietcombank	108.865.587.546	215.579.073.672
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.994.750.333.142	2.216.947.794.972
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	366.493.500.000	604.785.000.000
MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	917.715.934.698	984.365.462.772
Ngân hàng Standard Chartered ("Standard Chartered")	191.214.000.000	227.188.800.000
	<u><u>3.579.039.355.386</u></u>	<u><u>4.248.866.131.416</u></u>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Dư nợ
				30/6/2014	31/12/2013
				<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vietcombank	Giàn PV Drilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	108.865.587.546	215.579.073.672
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	1.805.660.933.142	1.968.722.994.972
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	189.089.400.000	248.224.800.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	366.493.500.000	604.785.000.000
MBBank và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	917.715.934.698	984.365.462.772
Standard Chartered	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	191.214.000.000	227.188.800.000
				<u><u>3.579.039.355.386</u></u>	<u><u>4.248.866.131.416</u></u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.193.455.339.788	1.410.405.509.244
Trong năm thứ hai	660.732.052.242	836.162.635.572
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.571.899.311.114	1.615.509.727.752
Sau năm năm	152.952.652.242	386.788.258.848
	<u><u>3.579.039.355.386</u></u>	<u><u>4.248.866.131.416</u></u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.193.455.339.788)</u>	<u>(1.410.405.509.244)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>2.385.584.015.598</u></u>	<u><u>2.838.460.622.172</u></u>

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 VND
Tại ngày đầu kỳ/năm .	375.099.100.584	187.795.662.000
Số trích lập trong kỳ/năm	104.454.174.336	139.768.716.468
Số quỹ đã sử dụng	(476.000.000)	(260.681.986)
Kết chuyển từ công ty con sở hữu 100% vốn	91.125.061.342	45.837.615.306
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.281.635.990	1.957.788.796
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>573.483.972.252</u>	<u>375.099.100.584</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 2.755.286.950.000 đồng. Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Vốn cổ phần được duyệt	275.528.695	2.755.286.950.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	235.528.695	2.355.286.950.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(270.580)	(2.705.800.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	235.258.115	2.352.581.150.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Petrovietnam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	765.998.167.531	382.125.892.639	223.969.365.854	1.882.637.389.916	6.726.535.336.844
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000)
Tăng vốn trong năm	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	-	-	-	-	1.463.919.696.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	63.381.590.997	-	-	-	63.381.590.997
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.612.016.060.610	1.612.016.060.610
Phân phối quỹ	-	-	-	-	123.408.580.075	61.704.279.570	(366.688.646.365)	(181.575.786.720)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	35.236.579.117	-	-	35.236.579.117
Thương cổ phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	(3.444.307.759)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	829.379.758.528	537.326.744.072	285.673.645.424	2.627.522.369.161	9.469.275.841.848
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	106.696.129.245	-	-	-	106.696.129.245
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.218.348.887.350	1.218.348.887.350
Phân phối quỹ	-	-	-	-	84.987.059.500	3.236.858.500	(214.104.980.900)	(123.881.062.900)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	25.758.694.865	-	-	25.758.694.865
Tại ngày 30/6/2014	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	936.075.887.773	648.072.498.437	288.910.503.924	3.631.766.275.611	10.694.198.490.408

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2013 là 30% vốn điều lệ với 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Theo Thông báo số 533/PVD-TC ngày 11 tháng 8 năm 2014, Tổng Công ty sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 26 tháng 8 năm 2014 cho mục đích chi trả cổ tức năm 2013 trong tháng 9 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

Chi tiết chênh lệch tỉ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VND	CLTG từ việc quy đổi báo cáo tài chính VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	(1.892.121.031)	767.890.288.562	765.998.167.531
Phát sinh trong năm	(5.452.876.645)	68.834.467.642	63.381.590.997
Tại 31/12/2013	(7.344.997.676)	836.724.756.204	829.379.758.528
Phát sinh trong kỳ	2.105.168.400	104.590.960.845	106.696.129.245
Tại 30/6/2014	<u>(5.239.829.276)</u>	<u>941.315.717.049</u>	<u>936.075.887.773</u>

21. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	5.457.661.854.350	3.819.394.950.683
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	1.037.928.263.800	794.595.432.843
	<u>6.495.590.118.150</u>	<u>4.613.990.383.526</u>

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	4.368.842.626.400	2.964.097.004.783
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	833.760.524.800	661.753.104.517
	<u>5.202.603.151.200</u>	<u>3.625.850.109.300</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.075.440.150	88.488.838.140
Chi phí nhân công	1.207.178.557.500	1.091.797.184.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.860.242.500	331.295.661.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.723.213.698.000	2.248.807.063.730
Chi phí khác	181.993.248.000	144.767.825.854
	<u>5.558.321.186.150</u>	<u>3.905.156.573.472</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.680.847.200	6.009.701.838
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	368.478.334.450	142.664.998.897
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	141.239.711.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.715.430.146
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.664.452.350	3.077.030.334
	<u>555.063.345.250</u>	<u>156.467.161.215</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	34.954.451.200	67.044.094.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.830.789.450	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.828.966.700	22.404.115.458
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.661.939.350)	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.397.946.100	-
Chi phí tài chính khác	383.994.100	2.429.998.643
	<u>85.734.208.200</u>	<u>91.878.208.488</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.421.933.204.550	777.985.668.345
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(490.518.172.300)	(141.311.775.475)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(509.718.045.700)	(142.470.624.836)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.199.873.400	1.158.849.361
Thu nhập chịu thuế	<u>931.415.032.250</u>	<u>636.673.892.870</u>
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất ưu đãi	-	632.626.846.190
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất thông thường	931.415.032.250	4.047.046.680
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>204.911.309.200</u>	<u>80.219.076.957</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 22% (năm 2013: thuế suất thông thường 25%) tính trên thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng quy đổi có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay và nợ	3.579.039.355.386	4.248.866.131.416
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1.749.954.898.458</u>	<u>1.798.571.415.732</u>
Nợ thuần	1.829.084.456.928	2.450.294.715.684
Vốn chủ sở hữu	<u>10.694.198.490.408</u>	<u>9.469.275.841.848</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>17%</u>	<u>26%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.749.954.898.458	1.798.571.415.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.036.163.121.626	3.742.845.992.856
Các khoản đầu tư khác	159.852.057.036	15.779.124.636
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>13.937.439.738</u>	<u>13.744.585.824</u>
Tổng cộng	<u>6.959.907.516.858</u>	<u>5.570.941.119.048</u>
Các khoản vay và nợ	3.579.039.355.386	4.248.866.131.416
Phải trả người bán và phải trả khác	1.551.767.876.274	730.862.141.364
Chi phí phải trả	<u>1.285.465.923.138</u>	<u>1.196.487.816.780</u>
Tổng cộng	<u>6.416.273.154.798</u>	<u>6.176.216.089.560</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
VND	43.576.538.028	331.097.893.827	1.567.316.786.317	2.391.902.719.408
DZD	22.441.191.622	17.310.581.845	115.981.686.215	53.341.575.481
SGD	4.371.434.403	6.954.539.839	443.593.957	322.292.135
EUR	516.778.140	2.286.507.421	177.307.856	176.696.720
Norwegian krone (NOK)	32.373.265	74.818.057	-	-
GBP	1.536.566.152	1.252.548.240	257.712.493	247.354.541
Đô la Úc (AUD)	35.834.120	617.590.465	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 30.474.794.988 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 32.141.240.976 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đổi với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 10.737.112.266 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 14.862.207.468 đồng).

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.749.954.898.458	-	-	1.749.954.898.458
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.323.160.342.932	713.002.778.694	-	5.036.163.121.626
Các khoản đầu tư khác	149.877.399.972	9.974.657.064	-	159.852.057.036
Các khoản ký quỹ, ký cược	963.144.918	12.974.294.820	-	13.937.439.738
Tổng cộng	6.223.955.786.280	735.951.730.578	-	6.959.907.516.858
Các khoản vay và nợ	1.193.455.339.788	2.232.631.363.356	152.952.652.242	3.579.039.355.386
Phải trả người bán và phải trả khác	1.551.767.876.274	-	-	1.551.767.876.274
Chi phí phải trả	1.285.465.923.138	-	-	1.285.465.923.138
Tổng cộng	4.030.689.139.200	2.232.631.363.356	152.952.652.242	6.416.273.154.798
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.193.266.647.080	(1.496.679.632.778)	(152.952.652.242)	543.634.362.060
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.798.571.415.732	-	-	1.798.571.415.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.894.149.813.980	848.696.178.876	-	3.742.845.992.856
Các khoản đầu tư khác	-	9.979.120.788	5.800.003.848	15.779.124.636
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.026.430.584	12.718.155.240	-	13.744.585.824
Tổng cộng	4.693.747.660.296	871.393.454.904	5.800.003.848	5.570.941.119.048
Các khoản vay và nợ	1.410.405.509.244	2.451.672.363.324	386.788.258.848	4.248.866.131.416
Phải trả người bán và phải trả khác	730.862.141.364	-	-	730.862.141.364
Chi phí phải trả	1.196.487.816.780	-	-	1.196.487.816.780
Tổng cộng	3.337.755.467.388	2.451.672.363.324	386.788.258.848	6.176.216.089.560
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.355.992.192.908	(1.580.278.908.420)	(380.988.255.000)	(605.274.970.512)

27. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	7.860.996.200	6.531.485.235

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	15.378.895.854	13.419.958.272
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	14.060.709.030	14.961.202.884
	<u>29.439.604.884</u>	<u>28.381.161.156</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê văn phòng của Tổng công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	Công ty con
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	Công ty liên doanh

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	-	918.883.588.103
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	324.918.474.850	380.832.271.008
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	4.394.977.990.650	929.771.183.127
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	64.109.606.350	-
	<u>5.184.001.069.650</u>	<u>1.629.686.962.238</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	159.796.191.400	61.817.538.216
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	157.366.558.300	175.648.570.272
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	3.187.138.400	376.982.955
	<u>474.350.288.100</u>	<u>814.469.086.763</u>
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam		
Lãi vay đã trả	-	250.321.441
Hoàn trả nợ gốc trong kỳ	-	29.059.077.600
	<u>-</u>	<u>221.262.336</u>

0-002-
HÀNH
TY
HỮU
H
ITTE
NAM
HỒ CỬ



**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

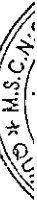
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 29



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

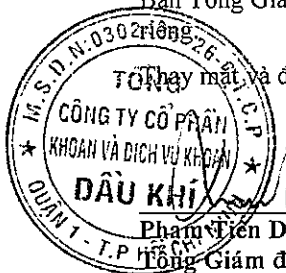
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 148 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: USD	
			30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		320.179.874	243.621.607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	82.366.323	85.499.687
1. Tiền	111		36.591.675	23.706.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.774.648	61.793.113
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.054.382	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.054.382	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.459.917	140.170.781
1. Phải thu khách hàng	131		158.609.956	107.745.175
2. Trả trước cho người bán	132		3.978.775	2.589.976
3. Các khoản phải thu khác	135	6	44.880.754	29.845.198
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.568)	(9.568)
IV. Hàng tồn kho	140	7	18.182.583	15.650.271
1. Hàng tồn kho	141		18.182.583	15.650.271
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.116.669	2.300.868
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.818.573	1.179.126
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.810.026	818.116
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		488.070	303.626
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		540.467.430	542.750.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.559.389	40.344.941
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	33.559.389	40.344.941
II. Tài sản cố định	220		389.477.157	403.999.461
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	382.348.154	396.828.885
- Nguyên giá	222		547.390.575	546.200.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.042.421)	(149.371.271)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	7.113.974	7.155.062
- Nguyên giá	228		10.353.889	10.066.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.239.915)	(2.911.183)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		15.029	15.514
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		116.622.400	96.070.362
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	63.539.006	63.539.006
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	52.613.910	31.781.255
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	469.484	1.589.148
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	-	(839.047)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		808.484	2.336.138
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		134.774	1.731.548
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	63.040	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		610.670	604.590
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		860.647.304	786.372.509

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

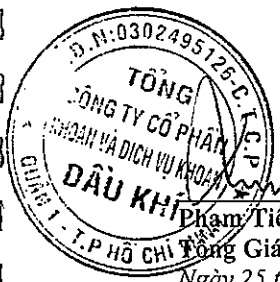
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		357.296.156		336.226.291	
I. Nợ ngắn hạn	310		218.003.070		183.411.686	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	56.173.178		67.047.229	
2. Phải trả người bán	312		71.708.369		30.287.386	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	14.341.359		12.500.111	
4. Phải trả người lao động	315		3.545.173		3.135.167	
5. Chi phí phải trả	316	16	60.503.903		56.878.105	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.394.202		4.523.846	
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	17	3.587.365		3.587.365	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.749.521		5.452.477	
II. Nợ dài hạn	330		139.293.086		152.814.605	
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	112.283.913		134.933.477	
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.611		49.834	
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	19	26.992.562		17.831.294	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		503.351.148		450.146.218	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	503.351.148		450.146.218	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.114.675		148.114.675	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.400.152		127.400.152	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(629.308)		(629.308)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(116.383)		(216.391)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		32.657.446		27.413.843	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.834.552		14.680.782	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		181.090.014		133.382.465	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		860.647.304		786.372.509	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
Đồng Việt Nam ("VND")	1.255.368.368.817	1.544.887.266.197
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")	7.145	7.145
Đô la Singapore ("SGD")	26.343	19.751
Dinars Algeria ("DZD")	48.420.481	64.744.136



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.550.271	37.347.495
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.907.850	15.903.973
Các khoản dự phòng	03	(839.047)	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	372.009	(226.366)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.368.578)	(7.135.890)
Chi phí lãi vay	06	1.660.544	3.218.477
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	59.283.049	49.107.689
Thay đổi các khoản phải thu	09	(56.031.211)	26.344.769
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.532.312)	(399.242)
Thay đổi các khoản phải trả	11	50.914.845	1.631.555
Thay đổi chi phí trả trước	12	(42.673)	(809.550)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.855.796)	(3.086.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.943.158)	(3.905.850)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.580.890)	(1.840.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.211.854	67.042.353
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.054.249)	(1.606.649)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	362	-
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.054.382)	-
4. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(19.382.000)	(1.438.091)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	299.847	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.581.622	5.335.921
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.608.800)	2.291.181
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	-	38.693.668
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	15.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.523.615)	(52.617.810)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(9.498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.523.615)	1.066.360
Lưu chuyển tiền trong kỳ (50=20+30+40)	50	(2.920.561)	70.399.894
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	85.499.687	13.016.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(212.803)	3.439
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>82.366.323</u>	<u>83.419.555</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: USD

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác không bao gồm số tiền 1.450.655 Đô la Mỹ tương ứng với giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam tăng trong kỳ bằng hình thức cân trừ công nợ nội bộ với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD, một công ty con của Tổng Công ty.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 19.911.155 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 8.965.435 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 16.751.994 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 9.414.376 Đô la Mỹ) là số tiền cổ tức và lợi nhuận được chia của kỳ trước đã thu trong kỳ này.

Ngoài ra, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 5.263.915 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 2.227.264 Đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cân trừ công nợ nội bộ.

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 762.557 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 40.954 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ đã bao gồm số tiền 517.065 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 560 Đô la Mỹ) là tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ trước đã được thanh toán trong kỳ này.



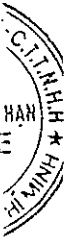
[Signature]
Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

[Signature]
Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

[Signature]
Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

[Signature]
Trần Kim Hoàng
Người lập biểu



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

01
CH
GI
CHI
DE
VI
/

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng kỳ căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động tiếp tục của các giàn khoan.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Để hợp nhất báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phân vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi chi nhánh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	165.570	140.359
Tiền gửi ngân hàng	36.426.105	23.566.215
Các khoản tương đương tiền	45.774.648	61.793.113
	<u><u>82.366.323</u></u>	<u><u>85.499.687</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con - lợi nhuận	13.742.145	12.313.279
Phải thu nội bộ từ các công ty con - khác	24.386.344	12.726.470
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	76.107	75.927
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas	109.940	39.885
Phải thu lãi tiền gửi	390.352	597.052
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	5.778.658	3.841.663
Các khoản phải thu khác	397.208	250.922
	<u><u>44.880.754</u></u>	<u><u>29.845.198</u></u>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	-	29.600
Nguyên liệu, vật liệu	18.115.319	15.562.075
Công cụ, dụng cụ	67.264	58.596
	<u><u>18.182.583</u></u>	<u><u>15.650.271</u></u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng TMCP Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	11.917.090	530.240.151	2.160.463	1.833.409	49.043	546.200.156
Tăng trong kỳ	3.006	865.330	75.938	67.992	-	1.012.266
Thanh lý	-	-	(65.256)	-	-	(65.256)
Chênh lệch tỷ giá	12.980	230.233	120	76	-	243.409
Tại ngày 30/6/2014	<u>11.933.076</u>	<u>531.335.714</u>	<u>2.171.265</u>	<u>1.901.477</u>	<u>49.043</u>	<u>547.390.575</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	2.297.895	143.929.959	1.706.466	1.407.854	29.097	149.371.271
Khấu hao trong kỳ	193.483	15.186.173	68.923	124.563	6.130	15.579.272
Thanh lý	-	-	(65.256)	-	-	(65.256)
Chênh lệch tỷ giá	12.394	144.564	101	75	-	157.134
Tại ngày 30/6/2014	<u>2.503.772</u>	<u>159.260.696</u>	<u>1.710.234</u>	<u>1.532.492</u>	<u>35.227</u>	<u>165.042.421</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	<u>9.429.304</u>	<u>372.075.018</u>	<u>461.031</u>	<u>368.985</u>	<u>13.816</u>	<u>382.348.154</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>9.619.195</u>	<u>386.310.192</u>	<u>453.997</u>	<u>425.555</u>	<u>19.946</u>	<u>396.828.885</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinars Algeria sang Đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II và PV Drilling III với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 306.848.053 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 316.850.542 Đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị là 4.031.857 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.899.129 Đô la Mỹ).

SOC
NH
TG
HIEN
OI
TA
TP.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>USD</u>	Phần mềm máy tính <u>USD</u>	Tài sản vô hình khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	6.121.918	2.343.669	1.600.658	10.066.245
Tăng trong kỳ	-	287.475	-	287.475
Chênh lệch tỷ giá	-	169	-	169
Tại ngày 30/6/2014	<u>6.121.918</u>	<u>2.631.313</u>	<u>1.600.658</u>	<u>10.353.889</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	595.939	1.285.765	1.029.479	2.911.183
Khấu hao trong kỳ	51.963	136.734	139.881	328.578
Chênh lệch tỷ giá	-	154	-	154
Tại ngày 30/6/2014	<u>647.902</u>	<u>1.422.653</u>	<u>1.169.360</u>	<u>3.239.915</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	<u>5.474.016</u>	<u>1.208.660</u>	<u>431.298</u>	<u>7.113.974</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.525.979</u>	<u>1.057.904</u>	<u>571.179</u>	<u>7.155.062</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

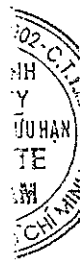
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	30/6/2014				31/12/2013			
	Tỷ lệ	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ	Giá trị khoản	Tỷ lệ	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ	Giá trị khoản
	sở hữu	đăng ký	đã góp	đầu tư	sở hữu	đăng ký	đã góp	đầu tư
%	VND	USD	USD	%	VND	USD	USD	
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD Deepwater	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090
				<u>63.539.006</u>				<u>63.539.006</u>

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Tổng Công ty góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là “BJ - PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là “PVD - Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD - Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore. Tổng vốn điều lệ đăng ký tối đa là 70 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại Công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan.

Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong Liên doanh PVD Overseas từ 55% lên 80% trong năm nay. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ - PVD	2.399.255	2.399.255
PVD - Baker Hughes	10.200.000	10.200.000
PVD Overseas	38.564.000	19.182.000
PVD Tubulars	1.450.655	-
	<u><u>52.613.910</u></u>	<u><u>31.781.255</u></u>

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	469.484	474.383
	469.484	1.589.148
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(839.047)
	<u><u>469.484</u></u>	<u><u>750.101</u></u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là "Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech, một công ty con của Tổng Công ty.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại của chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.273.360	7.223.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.507.572	1.716.226
Thuế thu nhập cá nhân	1.487.277	2.091.033
Các loại thuế khác	3.073.150	1.469.114
	<u><u>14.341.359</u></u>	<u><u>12.500.111</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Báo cáo tài chính riêng**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2014
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	7.223.738	15.516.672	18.467.050	4.273.360
Thuế xuất nhập khẩu	-	86.838	86.838	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.716.226	9.734.504	5.943.158	5.507.572
Thuế thu nhập cá nhân	2.091.033	11.491.434	12.095.190	1.487.277
Thuế môn bài	-	239	239	-
Các loại thuế khác	1.469.114	15.202.897	13.598.861	3.073.150
	12.500.111	52.032.584	50.191.336	14.341.359

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	39.808.604	44.154.534
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	10.953.711	7.437.287
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	6.698.407	2.285.632
Trích trước chi phí lãi vay	1.406.365	1.649.803
Các khoản khác	1.636.816	1.350.849
	60.503.903	56.878.105

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm trong tương lai cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Các khoản vay dài hạn	168.457.091	201.980.706
Vay dài hạn đến hạn trả	(56.173.178)	(67.047.229)
	112.283.913	134.933.477

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Ngân hàng Vietcombank	5.124.051	10.248.102
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	93.888.277	105.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	17.250.000	28.750.000
MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	43.194.763	46.794.327
Ngân hàng Standard Chartered ("Standard Chartered")	9.000.000	10.800.000
	168.457.091	201.980.706

.25/
H N
ON
NH
L C
T
/ P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Dư nợ
				30/6/2014	31/12/2013
				USD	USD
Vietcombank	Giàn PV Drilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	5.124.051	10.248.102
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	84.988.277	93.588.277
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	8.900.000	11.800.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	17.250.000	28.750.000
MBBank và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	43.194.763	46.794.327
Standard Chartered	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	9.000.000	10.800.000
				168.457.091	201.980.706

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Trong vòng một năm	56.173.178	67.047.229
Trong năm thứ hai	31.099.127	39.749.127
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	73.985.659	76.797.382
Sau năm năm	7.199.127	18.386.968
	168.457.091	201.980.706
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(56.173.178)	(67.047.229)
Số phải trả sau 12 tháng	112.283.913	134.933.477

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế.

Tình hình trích lập và sử dụng quỹ trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
	USD	USD
Tại ngày đầu kỳ/năm	17.831.294	9.016.500
Số trích lập trong kỳ/năm	4.916.416	6.644.263
Số quỹ đã sử dụng	(22.301)	(12.343)
Kết chuyển từ công ty con sở hữu 100% vốn	4.267.153	2.182.874
Tại ngày cuối kỳ/năm	26.992.562	17.831.294

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

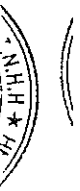
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 2.755.286.950.000 đồng. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	275.528.695	2.755.286.950.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	235.528.695	2.355.286.950.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(270.580)	(2.705.800.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	235.258.115	2.352.581.150.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Petrovietnam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	
Tại ngày 01/01/2013	117.333.602	77.037.828	(810.486)	44.076	20.036.973	11.733.360	97.581.020	322.956.373							
Cổ tức công bố	11.846.818	-	-	-	-	-	(23.683.982)	(11.837.164)							
Tăng vốn trong năm	18.934.255	50.362.324	-	-	-	-	-	69.296.579							
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(260.467)	-	-	-	(260.467)							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	77.001.006							
Phân phối quỹ	-	-	-	-	5.894.845	2.947.422	(17.515.579)	(8.673.312)							
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	1.663.203	-	-	1.663.203							
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	181.178	-	(181.178)	-	-	-							
Tại ngày 31/12/2013	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(216.391)	27.413.843	14.680.782	133.382.465	450.146.218							
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	100.008	-	-	-	100.008							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	57.878.807							
Phân phối quỹ	-	-	-	-	4.037.390	153.770	(10.171.258)	(5.980.098)							
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	1.206.213	-	-	1.206.213							
Tại ngày 30/6/2014	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(116.383)	32.657.446	14.834.552	181.090.014	503.351.148							

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công bố định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2013 là 30% vốn điều lệ với 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Theo Thông báo số 533/PVD-TC ngày 11 tháng 8 năm 2014, Tổng Công ty sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 26 tháng 8 năm 2014 cho mục đích chi trả cổ tức năm 2013 trong tháng 9 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ Dinars Algeria sang Đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***21. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	259.271.347	183.351.493
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	49.307.756	38.144.853
	<u>308.579.103</u>	<u>221.496.346</u>

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	207.545.968	142.292.593
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	39.608.576	31.767.707
	<u>247.154.544</u>	<u>174.060.300</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.276.743	4.247.940
Chi phí nhân công	57.348.150	52.412.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.907.850	15.903.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.874.760	107.954.830
Chi phí khác	8.645.760	6.949.634
	<u>264.053.263</u>	<u>187.468.512</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.790.064	288.498
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	17.504.909	6.848.687
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	6.709.725	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	226.366
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	364.107	147.714
	<u>26.368.805</u>	<u>7.511.265</u>

2014
 CH
 CI
 ÁCH
 DE
 VI
 /-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	1.660.544	3.218.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	372.009	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.224.654	1.075.518
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(839.047)	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	636.482	-
Chi phí tài chính khác	18.242	116.653
	<u>4.072.884</u>	<u>4.410.648</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.550.271	37.347.495
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(23.302.526)	(6.783.725)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(24.214.634)	(6.839.356)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	912.108	55.631
Thu nhập chịu thuế	44.247.745	30.563.770
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất ưu đãi	-	30.369.490
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất thông thường	44.247.745	194.280
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.734.504	3.850.947

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 22% (năm 2013: thuế suất thông thường 25%) tính trên thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Các khoản vay và nợ	168.457.091	201.980.706
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	82.366.323	85.499.687
Nợ thuần	86.090.768	116.481.019
Vốn chủ sở hữu	503.351.148	450.146.218
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	17%	26%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.366.323	85.499.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	237.040.531	177.925.746
Các khoản đầu tư khác	7.523.866	750.101
Các khoản ký quỹ, ký cược	656.003	653.384
Tổng cộng	327.586.723	264.828.918
Các khoản vay và nợ	168.457.091	201.980.706
Phải trả người bán và phải trả khác	73.038.119	34.743.399
Chi phí phải trả	60.503.903	56.878.105
Tổng cộng	301.999.113	293.602.210

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD	USD	USD
VND	2.051.047	15.739.584	73.769.970	113.705.206
DZD	1.056.255	822.903	5.458.989	2.535.728
SGD	205.753	330.602	20.879	15.321
EUR	24.324	108.695	8.345	8.400
Norwegian krone (NOK)	1.524	3.557	-	-
Bảng Anh (GBP)	72.323	59.543	12.130	11.759
Đô la Úc (AUD)	1.687	29.359	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 1.434.378 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 1.527.916 Đô la Mỹ).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng/giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 505.371 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 706.513 Đô la Mỹ).

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.366.323	-	-	82.366.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	203.481.142	33.559.389	-	237.040.531
Các khoản đầu tư khác	7.054.382	469.484	-	7.523.866
Các khoản ký quỹ, ký cược	45.333	610.670	-	656.003
Tổng cộng	292.947.180	34.639.543	-	327.586.723
Các khoản vay và nợ	56.173.178	105.084.786	7.199.127	168.457.091
Phải trả người bán và phải trả khác	73.038.119	-	-	73.038.119
Chi phí phải trả	60.503.903	-	-	60.503.903
Tổng cộng	189.715.200	105.084.786	7.199.127	301.999.113
Chênh lệch thanh khoản thuần	103.231.980	(70.445.243)	(7.199.127)	25.587.610
31/12/2013	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.499.687	-	-	85.499.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.580.805	40.344.941	-	177.925.746
Các khoản đầu tư khác	-	474.383	275.718	750.101
Các khoản ký quỹ, ký cược	48.794	604.590	-	653.384
Tổng cộng	223.129.286	41.423.914	275.718	264.828.918
Các khoản vay và nợ	67.047.229	116.546.509	18.386.968	201.980.706
Phải trả người bán và phải trả khác	34.743.399	-	-	34.743.399
Chi phí phải trả	56.878.105	-	-	56.878.105
Tổng cộng	158.668.733	116.546.509	18.386.968	293.602.210
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.460.553	(75.122.595)	(18.111.250)	(28.773.292)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng***28. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>373.444</u>	<u>313.544</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	723.849	637.952
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>661.805</u>	<u>711.219</u>
	<u><u>1.385.654</u></u>	<u><u>1.349.171</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê văn phòng của Tổng công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam
 Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam
 Các công ty liên doanh của Tổng Công ty

Mối quan hệ

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
 Công ty con
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
 Công ty liên doanh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	-	44.109.235
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	15.435.557	18.281.119
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	208.787.553	44.631.873
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>3.045.587</u>	<u>94.438</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	7.591.268	2.967.432
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	7.475.846	8.431.671
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>151.408</u>	<u>18.096</u>
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam		
Lãi vay đã trả	-	12.016
Hoàn trả nợ gốc trong kỳ	-	<u>1.394.925</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lương	101.933	128.295
Tiền thưởng	31.445	96.171
Các khoản phúc lợi khác	4.276	6.802
	<u>137.654</u>	<u>231.268</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	-	31.988.223
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	71.687.878	65.384.690
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	91.889.977	31.335.489
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>176.481</u>	<u>1.745.278</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	993.365	3.919.967
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	561.164	3.143.985
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>129.037</u>	<u>4.584</u>

002
ÁNH
TY
HỮU
TTE
NAM
C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

31. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG


Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 8 năm 2014.



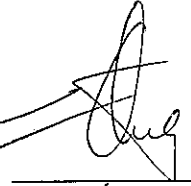

Phạm Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

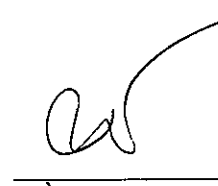
Ngày 25 tháng 8 năm 2014


Hồ Ngọc Yến Phương

Phó Tổng Giám đốc


Đoàn Đức Tùng

Kế toán trưởng


Trần Kim Hoàng

Người lập biểu

